

Gia Lai, ngày 28 tháng 12 năm 2023

THÔNG CÁO BÁO CHÍ Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

I. Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2023

Kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội gặp rất nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương; sự lãnh đạo của Tỉnh ủy; sự giám sát, đồng hành của HĐND tỉnh; sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể; sự nỗ lực phấn đấu của các sở, ban, ngành, các cấp, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh. UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Các giải pháp đã được tích cực thực hiện như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm kịp thời, thiết thực. Kết quả tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

II. Kết quả đạt được

1. Tăng trưởng kinh tế¹

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê ước tính, Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2023 ước tính tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo khu vực: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,25% (đóng góp 0,89%); khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 1,14% (đóng góp giảm 0,31%); khu vực dịch vụ tăng 5,87% (đóng góp 2,39%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,18% (đóng góp 0,05%).

Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 28,27%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 27,38%; khu vực dịch vụ chiếm 40,40%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,95%.

¹ Thông báo số 2143/TCTK-TKQG ngày 25/11/2023 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo số liệu GRDP ước tính quý IV, cả năm 2023

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 vẫn duy trì tăng trưởng ổn định mặc dù chịu ảnh hưởng bởi giá vật tư đầu vào tăng cao. Sản lượng một số cây lâu năm trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm trước; chăn nuôi phát triển ổn định; Tổng sản lượng gỗ khai thác tăng so với cùng kỳ. Nuôi trồng thủy sản phát triển tương đối ổn định.

2.1. Nông nghiệp

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2023 ước đạt 319.542,04 ha, tăng 3,23% so với kế hoạch, tăng 1,88% so cùng kỳ. Tăng chủ yếu ở các loại cây như: lúa tăng 3,81% so với kế hoạch, tăng 0,78% so cùng kỳ; Ngô tăng 3,33% so với kế hoạch, tăng 2,42% so cùng kỳ; Mía tăng 16,51% so với kế hoạch, tăng 10,41% so cùng kỳ; Khoai lang tăng 10,64% so với kế hoạch, tăng 2,11% so với cùng kỳ; Sắn (mỳ) tăng 1,58% so với kế hoạch, tăng 0,69% so cùng kỳ.

Tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt 603.963,01 tấn, tăng 3,76% so kế hoạch, giảm 0,32% so cùng kỳ.

- Tổng diện tích cây lâu năm ước đạt 262.436,24 ha, tăng 4,59% so cùng kỳ. Cụ thể một số loại cây trồng lâu năm chính của tỉnh năm 2023 như sau:

Diện tích cây ăn quả ước đạt 28.211,28 ha, tăng 19,98% so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cây ăn quả sơ bộ năm 2023 tăng do nhiều diện tích được trồng từ những năm trước và năm nay đã đến thời kỳ cho thu hoạch sản phẩm.

Diện tích cây điều ước đạt 39.766,68 ha, tăng 10,75% so cùng kỳ; sản lượng ước đạt 35.507,78 tấn, tăng 10,48% so cùng kỳ. Do ảnh hưởng của thời tiết, mưa trái mùa nhiều, khiến hoa điều nở nhưng không đậu quả khiến cho năng suất điều niên vụ 2022-2023 tại tỉnh Gia Lai giảm 0,39% so với vụ trước. Tuy nhiên, nhờ diện tích điều cho sản phẩm tăng lên nhiều nên sản lượng điều năm nay vẫn tăng 10,48% so cùng kỳ.

Diện tích cây hồ tiêu ước đạt 7.765,50 ha, giảm 10,89% so cùng kỳ; Diện tích cho sản phẩm đạt 6.580,28 ha, giảm 16,84% so cùng kỳ; Sản lượng đạt 23.794,29 tấn, giảm 17,01% so cùng kỳ. Diện tích hồ tiêu giảm mạnh là do tình hình dịch bệnh trên cây hồ tiêu vẫn chưa kiểm soát được, người dân đã chuyển một số diện tích tiêu chết sang trồng cây lâu năm khác như: Sầu riêng, Cà phê, Chanh dây ...

Diện tích cây cao su ước đạt 81.090,06 ha, tăng 0,16% so cùng kỳ. Diện tích cho sản phẩm ước đạt 63.535,88 ha, tăng 12,97% so cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 96.217,84 tấn, tăng 13,90% so với cùng kỳ. Lý do sản lượng cao su tăng là vì diện tích cao su đi vào kinh doanh cao hơn so với năm trước, năng suất thu hoạch và chất lượng mủ cao su cũng tăng.

Diện tích cây cà phê ước đạt 104.027,71 ha, tăng 3,92% so cùng kỳ. Năng suất trên diện tích cho sản phẩm ước đạt 32,54 tạ/ha, tăng 0,76% so cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 293.601,13 tấn, tăng 3,80% so cùng kỳ.

Diện tích cây chè búp ước đạt 520,00 ha, giảm 23,39% so cùng kỳ; sản

lượng đạt 5.029,65 tấn, giảm 17,38% so với cùng kỳ. Diện tích chè búp giảm đáng kể do các doanh nghiệp phá bỏ phần diện tích chè lâu năm già cỗi cho năng suất thấp và không tái canh lại mà thay vào đó là xen canh các cây lâu năm khác hoặc xây dựng mô hình vườn chè kết hợp kinh doanh dịch vụ tham quan, du lịch.

- Chăn nuôi:

Với việc đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một trong những mục tiêu lớn để tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi, thời gian qua tỉnh Gia Lai đã thu hút nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào địa bàn tỉnh. Nhìn chung tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh năm 2023 phát triển tương đối mạnh.

Ước năm 2023, đàn trâu ước đạt 14.308 con, tăng 3,08% so với cùng kỳ; Đàn bò ước đạt 452.500 con, tăng 11,39% so với cùng kỳ; Đàn heo ước đạt 783.000 con, tăng 24,42% so với cùng kỳ; đàn gia cầm ước đạt 8.059 nghìn con, tăng 8,15% so với cùng kỳ.

Hiện trên địa bàn tỉnh có 06 chuỗi liên kết giữa các Doanh nghiệp với người chăn nuôi với tổng số trang trại liên kết 176 trại; có 07 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi.

Sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP: Toàn tỉnh hiện có 11 cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP; 01 cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP; có 57 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực chăn nuôi đạt 3-4 sao.

Dịch bệnh gia súc có xảy ra rải rác tại các huyện, đến nay cơ bản đã được kiểm soát.

2.2. Lâm nghiệp

Tính đến ngày 15/12/2023, trên địa bàn tỉnh Diện tích rừng trồng mới được 8.043,83 ha, đạt 100,5% so với kế hoạch, giảm 2,5% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 213.336,09 m³, tăng 34,03% so với cùng kỳ.

Diện tích cây trồng chưa thành rừng bị cháy là 29,166 ha. Diện tích rừng bị phá là 19,688 ha, giảm 55,46% so với cùng kỳ.

2.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản năm ước đạt 8.301 tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.363 tấn, tăng 4,01%, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 4.938 tấn, tăng 5,01% so với cùng kỳ.

Đến nay trên toàn tỉnh có 590 ô lồng, trong đó có 502 ô lồng đang nuôi cá tại các hồ chứa². Đối tượng nuôi chủ yếu là các loài cá Chình, cá Thát lát, cá Lăng, cá Rô phi đơn tính, cá Diêu hồng, cá Lóc, cá Bống tượng, cá Tầm, ước sản lượng thu hoạch đạt 950 tấn. Hiện có 06 hợp tác xã liên kết với các hộ dân nuôi thủy sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị; có 2 sản phẩm thủy sản đạt chứng nhận OCOP 3 sao.

² Trên địa bàn các huyện Chư Păh, Ia Grai, Đak Đoa, Chư Prông, Kbang và thị xã An Khê

2.4. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Toàn tỉnh có 91/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 50,00% tổng số xã. Bình quân số tiêu chí đạt là 14,03 tiêu chí/xã.

Xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao: Hiện trên địa bàn tỉnh chưa có xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

Huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Có 03/17 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (thành phố Pleiku được công nhận năm 2018, thị xã An Khê và thị xã AyunPa được công nhận năm 2020). Năm 2023 không có huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

Thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới: Toàn tỉnh có 131 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 110 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số).

3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2023 ước tăng 1,69% so với cùng kỳ, tăng chủ yếu là công nghiệp khai khoáng tăng 35,96% do lượng đặt hàng của các công ty tăng; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,43% là do ngành sản xuất thực phẩm tăng 35,40% (trong đó sản xuất và chế biến rau quả 51,02%; Sản xuất đồ uống tăng 10,90% do đơn đặt hàng nước trong hộ dân cư tăng); Sản xuất đường tăng 63,73%; Sản xuất sữa tăng 64,73%. Bên cạnh đó, một số ngành lại giảm như công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 3,98% là do ngành sản xuất và phân phối điện sản xuất theo sự điều tiết của điện lực Việt Nam; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,54%.

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp³

Trong năm 2023, có 950 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 90,5% so với kế hoạch, tăng 5,6% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký 9.850 tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ. Có 114 doanh nghiệp giải thể (giảm 9,9%), có 201 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động (giảm 9,8%), có 302 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại (tăng 10,5%). Toàn tỉnh hiện có 9.344 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng vốn đăng ký 146.725 tỷ đồng. Trong năm 2023, có 67 hợp tác xã thành lập mới, giải thể 16 hợp tác xã; toàn tỉnh hiện có 439 hợp tác xã và 2 Liên hiệp hợp tác xã.

4.2. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý 4 cho thấy: Xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từ quý IV/2023 khó khăn hơn so với quý III/2023.

Đánh giá chung về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý IV/2023 so với quý trước: có 20,51% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh khả quan hơn; 43,59% số doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn rơi vào các nhóm ngành chế biến gỗ, in ấn, sản xuất các sản phẩm phi kim loại, sản

³ Nguồn: Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngày 20/12/2022.

xuất giường tủ bàn ghế...; còn lại đa số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định chiếm tỷ lệ 35,9%.

Dự kiến quý I/2024 so với quý IV/2023: có 25,64% số doanh nghiệp cho rằng xu hướng sẽ tốt lên; 28,21% số doanh nghiệp dự báo kém đi; 46,15% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

5. Hoạt động thương mại, vận tải, du lịch

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 ước tăng 17,57% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là Thương nghiệp ước tăng 15,49% (Thương nghiệp chiếm 75,67% trên tổng số tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng); Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng 40,04%; Hoạt động dịch vụ khác tăng 8,76%.

+ Thương nghiệp ước tăng 15,49% so với cùng kỳ. Tăng cao chủ yếu là do Lương thực, thực phẩm tăng 5,92%; nhóm hàng hóa khác tăng 34,89%; nhóm đồ dùng, dụng cụ và trang thiết bị gia đình tăng 27,10%; nhóm hàng may mặc tăng 18,78%.

+ Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng 40,04% so với cùng kỳ. Tăng cao chủ yếu là dịch vụ ăn uống tăng 40,95% (dịch vụ ăn uống chiếm 97,91% tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành).

+ Hoạt động dịch vụ khác tăng 8,76% so với cùng kỳ. Tăng chủ yếu là doanh thu ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản.

- Doanh thu hoạt động vận tải và dịch vụ kho bãi năm 2023 ước đạt 5.061,98 tỷ đồng, tăng 14,11% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Khối lượng vận tải hành khách ước đạt 20,7 triệu lượt khách, tăng 17,86% so với cùng kỳ và luân chuyển ước đạt 4.040 triệu lượt khách.km, tăng 17,88% so với cùng kỳ.

Doanh thu cũng như khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách tăng so tháng trước do nhu cầu đi lại tăng vào tháng cuối năm cũng như lượng khách tham quan, du lịch đến từ ngoại tỉnh khá đông.

+ Khối lượng vận tải hàng hóa ước đạt 14,7 triệu tấn hàng hóa, tăng 14,02% so với cùng kỳ và luân chuyển 2.617 triệu tấn.km, tăng 14,05% so với cùng kỳ.

+ Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2023 ước đạt 510,12 tỷ đồng, tăng 5,28% so với cùng kỳ.

6. Hoạt động xuất nhập khẩu⁴

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 680 triệu USD, đạt 100% so kế hoạch, tăng 3,03% so với cùng kỳ. Trong đó xuất khẩu chủ lực là mặt hàng cà phê, sản lượng xuất khẩu đạt 230.000 tấn, tương đương giá trị đạt 490 triệu USD, tăng 4,26% so với cùng kỳ.

⁴ Báo cáo Sở Công thương tỉnh Số 360/BC-SCT ngày 19/12/2023.

- Kim ngạch nhập khẩu năm 2023 ước đạt 110 triệu USD, đạt 100% so với kế hoạch, giảm 21,43% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu giảm chủ yếu do lượng nông sản (sắn lát, hạt điều) nhập từ Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Lê Thanh giảm.

7. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

7.1. Tài chính⁵

- Tổng thu ngân sách năm 2023 ước đạt 5.533 tỷ đồng, đạt 101,9% so với dự toán Trung ương giao, đạt 93,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 2,6% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

+ Thu nội địa ước đạt 5.480 tỷ đồng, tăng 1,7% dự toán Trung ương giao, đạt 96,8% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 3% so với cùng kỳ. (Trong đó: Thu tiền sử dụng đất ước đạt 890 tỷ đồng, đạt 74,2% so với dự toán Trung ương giao, đạt 65,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 12,6% so với cùng kỳ. Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại là 4.398 tỷ đồng, đạt 108,3% so với dự toán Trung ương giao, đạt 105,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 2,4% so với cùng kỳ).

Các khoản thu cân đối do ngành thuế quản lý ước đạt 5.251 tỷ đồng, tăng 0,6% so với Trung ương giao, đạt 95,7% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 3,1% so với cùng kỳ;

Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý là 229 tỷ đồng, tăng 33,9% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,2% so với cùng kỳ.

+ Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 53 tỷ đồng, tăng 26,2% so với dự toán Trung ương giao và chỉ đạt 21,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 59% so với cùng kỳ.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 ước đạt 15.224,1 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán Trung ương giao, đạt 96,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Các khoản chi đầu tư XDCB từ nguồn vốn cân đối NSDP ước đạt 1.890,1 tỷ đồng, đạt 85% so với dự toán Trung ương giao, đạt 78,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 39,1% so cùng kỳ; Chi thường xuyên ước đạt 10.359,3 tỷ đồng, đạt 105,6% so với dự toán Trung ương giao, đạt 104,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 16,8% so với cùng kỳ.

7.2. Ngân hàng⁶

Ước đến cuối tháng 12/2023: Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đạt 58.400 tỷ đồng, tăng 8,0% so với cuối năm 2022 (trong đó: nguồn vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 2.900 tỷ đồng, chiếm 4,9% tổng nguồn vốn huy động, giảm 29,5% so với cuối năm 2022). Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 113.800 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cuối năm 2022. Nợ xấu là 1.650 tỷ đồng, tăng 1,6% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng 1,45% tổng dư nợ, giảm 0,13% so với cuối năm 2022.

⁵ Theo Báo cáo của Sở Tài chính, số liệu dự tính đến ngày 31/12/2023

⁶ Theo Báo cáo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Gia Lai

7.3. Bảo hiểm⁷

Tham gia BHXH trong năm là 100.349 người, đạt 96% so kế hoạch, tăng 4,6% so với cùng kỳ và chiếm 14,83% LLLĐ toàn tỉnh (BHXH bắt buộc 83.659 người, đạt 100% kế hoạch và BHXH tự nguyện 16.690 người, đạt 80% kế hoạch). Tham gia BH thất nghiệp trong năm là 71.672 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 5,2% so với cùng kỳ và chiếm 9,16% LLLĐ toàn tỉnh. Tham gia BHYT trong năm là 1.468.644 người, tăng 6,12% so với cùng kỳ và chiếm 91% dân số toàn tỉnh.

8. Đầu tư và xây dựng

8.1. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 ước đạt 39.883,09 tỷ đồng, đạt 94,95% so kế hoạch, tăng 3,77% so với cùng kỳ. Tăng chủ yếu là nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tăng 11,03%; nguồn vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 3,36%; nguồn vốn đầu tư của dân cư tăng 1,97%.

- **Vốn khu vực Nhà nước:** Ước đạt 3.912,55 tỷ đồng, tăng 11,03% so cùng kỳ. Nguyên nhân là do nguồn vốn ngân sách nhà nước địa phương quản lý tăng cao hơn 16,62% so với cùng kỳ.

- **Vốn khu vực ngoài Nhà nước:** Ước đạt 36.020,34 tỷ đồng, tăng 3,21% so với cùng kỳ. Tăng chủ yếu là vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 3,36%, còn vốn đầu tư trong dân cư chủ yếu là xây dựng nhà cửa và đầu tư cho sản xuất kinh doanh tăng 1,97%.

- **Vốn đầu tư nước ngoài:** Ước đạt 44,62 tỷ đồng, gấp 4,65 lần so với cùng kỳ.

8.2. Xây dựng

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 18.817,05 tỷ đồng; theo giá so sánh 2010 ước đạt 10.568,97 tỷ đồng, tăng 4,79% so với cùng kỳ. Tăng chủ yếu là Doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 4,94% (chiếm tỷ trọng 62,02%).

Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 chia theo loại công trình: Công trình nhà ở ước đạt 4.356,76 tỷ đồng, tăng 5,47%; công trình nhà không ở ước đạt 1.690,60 tỷ đồng, tăng 6,99%; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 2.952,66 tỷ đồng, tăng 5,23%; hoạt động xây dựng chuyên dụng ước đạt 1.568,94 tỷ đồng, tăng 0,01%.

9. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 tăng 0,14% so với tháng trước; tăng 3,04% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 3,19% so với cùng kỳ. Nhìn chung đều tăng hầu hết ở tất cả các nhóm hàng hóa, trong đó tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 13,58% do ảnh hưởng từ việc điều chỉnh giá học phí của Chính phủ. Bên

⁷ Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai

ạnh đó, Nhóm giao thông là nhóm duy nhất giảm, giảm 3,91% do ảnh hưởng bởi các đợt giảm giá xăng dầu liên tiếp.

Chỉ số giá vàng tháng 12 tăng 3,90% so với tháng trước; tăng 15,37% so với cùng kỳ. Bình quân năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 giảm 0,85% so với tháng trước; tăng 0,58% so với cùng kỳ. Bình quân năm 2023 tăng 2,06% so với cùng kỳ.

10. Một số lĩnh vực xã hội

10.1. Dân số, lao động và việc làm⁸

Dân số trung bình sơ bộ năm 2023 của tỉnh Gia Lai là 1.613.895 người, trong đó: dân số thành thị là 475.131 người, chiếm 29,4%; dân số nông thôn là 1.138.764, chiếm 70,6%; dân số nam là 808.565 người, chiếm 50,1%; dân số nữ là 805.330 người, chiếm 49,9%.

Trong năm 2023, số lao động được giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh ước đạt 26.580 lao động, đạt 100,3% kế hoạch, tăng 1,22% so với cùng kỳ (trong đó: Giải quyết việc làm trong nước 25.070 lao động và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.510 lao động).

10.2. Công tác an sinh xã hội⁹

- **Các chính sách cho người có công:** Trong dịp tết Nguyên đán tỉnh đã tổ chức thăm và tặng quà tết cho đối tượng người có công với tổng kinh phí là 10.423,32 triệu đồng. Nhân kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1947 - 27/7/2023 tổ chức thăm tặng quà từ Chủ tịch nước, ngân sách các cấp tổng cộng là 6.850,4 triệu đồng.

- **Công tác bảo trợ xã hội:** Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách cho những người yếu thế trong xã hội (người tàn tật nặng, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người già sống cô đơn không có nguồn nuôi dưỡng...), như: tổ chức các hoạt động Tết nguyên đán, tổ chức tháng hành động vì trẻ em, hoạt động Tết Trung thu, và các hoạt động hỗ trợ trẻ em khác.

10.3. Giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao

- Hoạt động giáo dục đào tạo¹⁰:

Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT và UBND tỉnh đối với cấp học mầm non; Kết quả cụ thể: 100% trẻ được chăm sóc, giáo dục theo chương trình, 100% trẻ được an toàn, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi đều giảm so với đầu năm học, trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 99,99%. Toàn tỉnh có 220/220 xã và 17/17 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em năm tuổi; giáo dục mầm non ngoài công lập phát triển bền vững, tăng quy mô số lượng trẻ.

⁸ Theo Báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai

⁹ Theo Báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai

¹⁰ Theo Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục tiểu học, tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học cho 100% học sinh lớp 3; lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục theo đúng quy trình, quy định. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (7-10 buổi/tuần) cho 100% học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3; 8- 10 buổi/tuần cho 100% học sinh lớp 4. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số (DTTS); bố trí đội ngũ giáo viên dạy môn Tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 3, lớp 4 theo Chương trình GDPT 2018. Công tác phổ cập giáo dục cấp tiểu học được duy trì. Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,94%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt 98%. Toàn tỉnh có 220/220 xã và 17/17 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục cấp tiểu học.

Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kết quả học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt 97,79% và có 14 trường có tỉ lệ tốt nghiệp đạt 100%. Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh (bảng A), năm học 2023- 2024.

Ước đến cuối năm 2023 có 483/756 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 63,4%.

- Hoạt động Y tế¹¹:

Công tác y tế dự phòng, giám sát tình hình dịch bệnh được triển khai kịp thời, liên tục từ tuyến tỉnh đến cơ sở, tình hình dịch bệnh được kiểm soát ổn định, các bệnh truyền nhiễm đa số giảm so với cùng kỳ. Các bệnh truyền nhiễm khác như tả, dịch hạch, viêm não mô cầu, liệt mềm không có trường hợp mắc. Các dịch bệnh mới nổi như Đậu mùa Khỉ, Cúm A, MERS-CoV, Ebola, Marburg, bệnh do virus Zika toàn tỉnh chưa ghi nhận ca mắc. Tuy nhiên vẫn còn một số bệnh tăng cao như Đại có 12 trường hợp tử vong; viêm gan B; Tay-Chân-Miệng tăng; sốt xuất huyết giảm 64% so với cùng kỳ, gây tử vong 02 người; dịch đau mắt đỏ xảy ra nhiều ở lứa tuổi học sinh.

Tổng số lượt khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế là 1.852.078 lượt người (tăng 161.414 lượt so với năm 2022). Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu về y tế - dân số. Số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ là 12.284/27.297 đối tượng, đạt tỷ lệ 45%. Toàn tỉnh ghi nhận 02 vụ và 01 ca ngộ độc thực phẩm (so với cùng kỳ giảm 01 vụ, giảm 29 người mắc nhưng số người tử vong tăng 01 người).

- Hoạt động văn hóa và thể thao¹²:

Tổ chức thành công Chương trình thời trang thổ cẩm “Gia Lai ơi”, sự kiện Tuần Văn hoá - Du lịch Gia Lai và Festival văn hoá công chiêng Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai năm 2023. Tổ chức trình diễn Chương trình “Cồng chiêng cuối tuần - Thương thức và trải nghiệm” tại Quảng trường Đại Đoàn Kết thành phố Pleiku; Chương trình “Sắc màu văn hóa Gia Lai - Bảo tồn và phát triển”; Tổ chức thành công “Ngày Hội văn hoá các dân tộc tỉnh Gia Lai lần thứ Hai, năm 2023”. Thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2023”....

¹¹ Theo Báo cáo của Sở Y tế

¹² Theo Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tiếp tục quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ công tác tại Di tích quốc gia đặc biệt Tây Sơn Thượng Đạo và Di tích Rộc Tung - Gò đá An Khê. Tổ chức Lễ kỷ niệm 234 năm Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa; Lễ tưởng niệm 231 năm ngày mất Hoàng đế Quang Trung tại thị xã An Khê. Đưa đoàn nghệ nhân của tỉnh tham gia biểu diễn tại Lễ hội Âm thanh Thế giới 2023 tại Hàn Quốc.

Tổ chức thành công 16 giải thể thao cấp tỉnh; đăng cai tổ chức các giải thể thao toàn quốc. Tham gia thi đấu 37 giải thể thao thành tích cao trong nước và quốc tế, kết quả đạt 142 huy chương (45 HCV, 38 HCB và 59 HCD).

10.4. Tai nạn giao thông¹³

Trong năm 2023 (từ 15/12/2022 đến 14/12/2023), trên địa bàn tỉnh xảy ra 340 vụ tai nạn giao thông, tăng 0,89% so với cùng kỳ; làm 211 người chết, giảm 12,81% so với cùng kỳ và làm 245 người bị thương, giảm 7,55% so với cùng kỳ.

10.5. Thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

- *Tình hình thiệt hại thiên tai¹⁴:*

Trong năm 2023, thiên tai làm 7 người bị thương; 526 nhà bị hư hỏng, tốc mái, ngập; 3.446,58 ha diện tích cây trồng bị thiệt hại (trong đó: 1.880,82 ha lúa; 408,10 ha cây lâu năm; 997,45 ha cây hàng năm; 67,62 ha hoa màu;...), 22 con gia súc; 331 con gia cầm bị chết, cuốn trôi. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong năm 2023 ước tính khoảng 75.156 triệu đồng.

- *Tình hình cháy, nổ¹⁵:* Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 28 vụ cháy, làm 03 người chết, 01 người bị thương, ước thiệt hại khoảng 4.663 triệu đồng.

- *Vi phạm môi trường¹⁶:* Trong năm 2023, phát hiện 304 vụ, tăng 18,2% so với cùng kỳ; số vụ đã xử lý là 293 vụ, tăng 29,6% so với cùng kỳ; số tiền xử phạt là 1.554,4 triệu đồng, giảm 14,09% so với cùng kỳ./.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI

¹³Theo báo cáo nhanh ngày 19/12/2022 của Ban ATGT tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh).

¹⁴ Theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹⁵ Theo Báo cáo của Công An phòng cháy chữa cháy

¹⁶ Theo Báo cáo của Công an tỉnh

